TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2024.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.
.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh On.

2. Ông Lâm Thái Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 59/2024/TLST–HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bích T, sinh ngày 18/10/1996 (xin vắng mặt).
Địa chỉ: Số 055, Tổ 13, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Trần Hoài H, sinh năm 1998 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 02 năm 2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày: Chị và anh H xây dựng hôn nhân vào năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, có một người con chung là cháu Trần Hoài Gia B, sinh ngày 18/11/2020. Khi Toà án thụ lý vụ án thì cháu B sống cùng anh H. Tuy nhiên, ngày 12/3/2024, anh H đã giao cháu B cho chị nuôi dưỡng, giáo dục nên hiện nay cháu đang sống cùng chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình chung sống, chị và anh H không cùng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau khiến cuộc sống tình cảm vợ chồng rạn nứt

không thể hàn gắn. Anh H thường xuyên ghen tuông vô cớ, không tin tưởng chị, thậm chí có nhiều lần sử dụng bạo lực đối với chị khiến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay mà không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Vì vậy, nay chị yêu cầu ly hôn với anh H. Về con chung, chị yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Trần Hoài H từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh H để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh H nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của anh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H. Về con chung, giao Trần Hoài Gia B, sinh ngày 18/11/2020 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị Bích T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Trần Hoài H. Khi khởi kiện, anh H có địa chỉ tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Lê Thị Bích T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, anh Trần Hoài H đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Bích T và anh Trần Hoài H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 05 tháng 10 năm 2020 nên hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và B vệ.

[4] Chị Lê Thị Bích T xác định quá trình chung sống, chị và anh H không cùng quan điểm sống nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn được. Đồng thời, chị và anh H đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2023 đến nay mà không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Tại biên bản xác minh ngày 07 tháng 5 năm 2024, ông Nguyễn Việt Cường là Trưởng ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu xác định *"anh H đang cư trú tại ấp T, thị trấn N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu nhưng đang đi làm ở Sài Gòn nên không có mặt tại địa phương. Khi Toà án tiến hành tống đạt* thông *báo thụ lý vụ án và* thông *báo hoà giải cho anh H thì gia đình anh H có liên hệ, thông báo cho anh H qua điện thoại nhưng anh H không có ý kiến và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Do sau khi xây dựng hôn nhân, anh H và chị T không thường xuyên sinh sống tại địa phương nên ông không rõ về tình trạng hôn nhân giữa họ"*. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị T và anh H đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh H biết chị T yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng với chị T, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H để hòa giải, xét xử nhưng anh H có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Do đó, chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh H có 01 người con chung là cháu Trần Hoài Gia B, sinh ngày 18/11/2020. Hiện cháu B đang sống cùng chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dạy, giáo dục cháu B và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm B điều kiện cho con chưa thành niên. Từ ngày 12/3/2024 đến nay, cháu B sống cùng chị T, chị T vẫn chăm sóc cháu tốt, phát triển bình thường. Do vậy, cần giao cháu B cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Bích T xác định không có và chị T, anh H cũng không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn gia đình: Chị Lê Thị Bích T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những phân tích trên chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 1 Điều 51, các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Bích T với anh Trần Hoài H. Xử cho chị Lê Thị Bích T được ly hôn với anh Trần Hoài H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoài Gia B, sinh ngày 18/11/2020 cho chị Lê Thị Bích T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Trần Hoài H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Bích T không yêu cầu anh Trần Hoài H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Bích T xác định không có, chị Lê Bích T và anh Trần Hoài H đều không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị Lê Thị Bích T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007547 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND thị trấn N huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu